

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST

Ngày: 10-9-2025

V/v "Tranh chấp hợp đồng ủy
quyền"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Ngọc H.T, sinh năm 1991 và bà Dương Thị H, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: xx L, phường An Hải, TP Đà Nẵng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê N.D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Hòa Tiến, TP Đà Nẵng. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng T; địa chỉ: Số xxx L n, phường T, TP Đà Nẵng. (Có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - trình bày:*

Ông Trịnh Ngọc H.T là chủ xe ô tô BKS 92C-20x.xx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 92 013xxx do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 13/7/2022.

Vào ngày 13/03/2025, Vợ chồng ông T bán xe ô tô BKS 92C 20x.xx cho ông Lê N.D và có làm hợp đồng ủy quyền cho ông Lê N.D tại phòng công chứng T số xxx L- Đà Nẵng, sau khi hoàn tất hồ sơ ủy quyền cho ông D thì phát hiện cả vợ chồng T và ông D khi mua bán không làm việc trực tiếp với nhau mà chỉ làm việc với bên thứ 3 qua nhắn tin zalo với tài khoản tên "Bánh Gạo" là tài khoản lừa đảo, bên bán bị lừa với giá mua cao là 740.000.000đ và bên mua bị lừa bán với giá thấp

là 620.000.000đ. Ông D đã chuyển tổng cộng 255.000.000đ cho số tài khoản bên lừa đảo. Cùng ngày vợ chồng ông T và ông D cùng trình báo lên cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành Phố Đà Nẵng, công an thành phố đã xác nhận đây là vụ lừa đảo của bên thứ 3 và chặn đứng được dòng tiền của bên lừa đảo.

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2025 công an thành phố Đà Nẵng đã bàn giao lại đầy đủ số tiền 255.000.000đ cho ông D và yêu cầu 2 bên giải quyết hồ sơ uỷ quyền theo thỏa thuận dân sự. Ông T và ông D đã nhiều lần thỏa thuận để yêu cầu ông D ra phòng công chứng để huỷ hợp đồng uỷ quyền, mặc dù ông D đã nhận đủ tiền và không bị thiệt hại gì nhưng ông D không hỗ trợ huỷ công chứng uỷ quyền và gây khó dễ ép ông T bán xe giá rẻ cho ông D với giá 620.000.000đ rẻ hơn giá trị thực tế của xe rất nhiều.

Ông T yêu cầu HĐXX tuyên bố Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 vô hiệu. Ông T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Nguyên đơn – bà Dương Thị H thống nhất với ý kiến của ông Trịnh Ngọc H.T.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn – ông Lê N.D trình bày:**

Ngày 13/03/2025, ông D có làm việc với một người tự xưng là T, có nhu cầu bán chiếc xe BKS 92C-20x.xx, qua trao đổi thì T thông tin được biết chiếc xe đó là của T nhưng nhờ anh trai là ông Trịnh Ngọc H.T đứng tên trên giấy tờ. Khi gặp ông Trịnh Ngọc H.T thì cũng được ông Trịnh Ngọc H.T xác nhận là chiếc xe đó thuộc sở hữu của gia đình, trùng khớp với những gì T giới thiệu.

Sau kiểm tra tình trạng và tính pháp lý của chiếc xe phù hợp nhu cầu, nên tôi và ông Trịnh Ngọc H.T hẹn 13h30' ngày 13/03/2025 đến tại phòng công chứng T địa chỉ tại số 285 Lê Duẩn, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng để ký kết Hợp đồng uỷ quyền về việc giao T quyền xử lý chiếc xe ô tô BKS 92C- 20x.xx qua cho ông D.

Tại thời điểm ký kết, ông D và vợ chồng ông T đã trao đổi trực tiếp và thống nhất giá mua xe là 580.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, ông D sẽ thanh toán trước 555.000.000 đồng, số tiền còn lại là 25.000.000 đồng chờ kiểm tra các lỗi phạt nguội sẽ thanh toán đủ số tiền.

Thực hiện theo yêu cầu của ông Trịnh Ngọc H.T, ông D đã chuyển số tiền 255.000.000 đồng vào tài khoản số 9857xxx tại ngân hàng ACB mang tên Trịnh Thị H.T- người do ông Trịnh Ngọc H.T chỉ định. Bà T tiếp tục yêu cầu ông D chuyển 300.000.000 đồng, còn lại vào một tài khoản lạ, không phải do ông Trịnh Ngọc H.T chỉ định. Vì nghi ngờ có dấu hiệu bất thường, ông D đã không thực hiện theo yêu cầu đó mà chỉ đồng ý thanh toán theo chỉ dẫn của ông Trịnh Ngọc H.T. Sau đó, ông D phát hiện có dấu hiệu lừa đảo và đã trình báo công an. Vụ việc được điều tra và số tiền 255.000.000 đồng đã được cơ quan công an thu hồi và hoàn trả lại cho ông D (Vì ông Trịnh Ngọc H.T từ chối nhận).

Tuy nhiên, trong suốt quá trình xảy ra sự việc, ông Trịnh Ngọc H.T - bà Dương Thị H không hỗ trợ ông D giải quyết mà chỉ thông báo với ông D là hợp

đồng vô hiệu, yêu cầu ông D ra hủy hợp đồng, phủ nhận giao dịch và khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu. Đây là hành vi tH thiện chí và không có cơ sở, vì việc thanh toán là thực hiện đúng theo hướng dẫn và xác nhận của chính ông Trịnh Ngọc H.T. Từ thời điểm giao tiền cho đến thời điểm hiện tại, các giấy tờ liên quan đến giao dịch và chiếc xe BKS 92C-20x.xx đều do ông Trịnh Ngọc H.T - Bà Dương Thị H giữ và sử dụng, mặc dù ông D là người có hợp đồng và đã thanh toán tiền theo đúng yêu cầu ban đầu. Như vậy, việc ký kết hợp đồng và thỏa thuận của hai bên đều trên cơ sở tự nguyện. Bên bán muốn chuyển quyền sở hữu tài sản, bên mua muốn sở hữu tài sản là chiếc xe nêu trên và trong quá trình đó hai bên đều thực hiện theo quy định của pháp luật, chuyển khoản như đã thương lượng. Tuy nhiên, khi gặp sự cố thì ông T và bà H không có thiện chí hợp tác, không giao phương tiện và hồ sơ pháp lý cũng như hỗ trợ ông D trong việc làm việc với cơ quan chức năng để thu hồi số tiền bị chiếm đoạt, mà đáng lẽ ra việc đó hai ông bà phải chủ động vì thực tế tiền đã chuyển theo đúng yêu cầu, chỉ định tài khoản của ông bà. Nếu ông D không tích cực làm việc với cơ quan chức năng và cơ quan chức năng không xử lý nhanh chóng thì ông D có khả năng cao sẽ mất số tiền là 255.000.000 đồng trong khi xe ông T và bà H vẫn đang sử dụng và chưa bàn giao chiếc xe cho đến nay. Việc ông Trịnh Ngọc H.T tự giao tiếp với bên thứ ba để thỏa thuận bán giá cao hơn và giấu ông D là hành vi vi phạm nghĩa vụ trung thực, thiện chí trong giao dịch dân sự. Về giá bán 740.000.000 đồng thì tại thời điểm giao kết Hợp đồng ủy quyền số 0009xx ngày 13/3/2025, ông D và ông Trịnh Ngọc H.T - bà Dương Thị H đã có trao đổi trực tiếp và thống nhất về giá trị chuyển nhượng chiếc xe chỉ là 580.000.000 đồng. Điều này cho thấy ông T và bà H có dấu hiệu không trung thực trong việc giao dịch và che giấu thông tin (Vì ông T đã ẩn hết những thông tin), gây thiệt hại trực tiếp cho ông D cả về mặt tài chính lẫn quyền lợi pháp lý. Việc bên bán đưa ra mức giá khác trong các trao đổi với bên thứ ba không liên quan, nhưng lại không thông báo cho ông D – người trực tiếp ký hợp đồng và chuyển tiền theo yêu cầu của ông Trịnh Ngọc H.T – là hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí và trung thực khi giao kết hợp đồng. Đề nghị ông T bà H phải tiếp tục Hợp đồng ủy quyền số 0009xx ký ngày 13/03/2025 theo quy định của pháp luật. Yêu cầu ông Trịnh Ngọc H.T - bà Dương Thị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng ủy quyền số 0009xx, giao xe đúng hiện trạng như thời điểm đã thỏa thuận, giao các giấy tờ hợp pháp liên quan đến chiếc xe BKS 92C-20x.xx như đã thỏa thuận tại thời điểm ký kết Hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D thống nhất hủy Hợp đồng ủy quyền số 0009xx ký ngày 13/03/2025 với ông T, bà H với điều kiện ông T, bà H phải hỗ trợ cho ông D là 10% giá trị mua bán chiếc xe mà các bên đã thỏa thuận (580.000.000đ) là 58.000.000 đồng hoặc vợ chồng ông T phải có thái độ thiện chí xin lỗi ông. Ông D xác định đây chỉ là yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ chứ không phải là yêu cầu phản tố.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 125/VB ngày 29/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng T có văn bản trình bày ý kiến: Hợp đồng ủy quyền số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 được thực hiện đúng quy định, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm công chứng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tài sản ủy quyền không có tranh chấp, ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền.

Về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục công chứng đối với các hợp đồng ủy quyền nêu trên đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Công chứng và các văn bản pháp luật có liên quan. Văn phòng công chứng xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T và bà H giữ nguyên yêu cầu HĐXX tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 vô hiệu. Ông T, bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê N.D không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 tại VPCC T vô hiệu. Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông D rút yêu cầu ông Trịnh Ngọc H.T và bà Dương Thị H hỗ trợ 58.000.000 đồng (10% giá trị mua bán chiếc xe mà các bên đã thỏa thuận). Xét đây là sự tự nguyện của ông Lê N.D nên HĐXX ghi nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, 127, 131 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Trịnh Ngọc H.T và bà Dương Thị H và bên được ủy quyền là ông Lê N.D được VPCC T công chứng ngày 13/3/2025 là vô hiệu. Hậu quả của giao dịch đã tự khôi phục tình trạng ban đầu nên không đề cập.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Lê N.D phải chịu theo quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu án phí DSST nên đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trịnh Ngọc H.T và bà Dương Thị H khởi kiện đối với bị đơn ông Lê N.D có địa chỉ tại thôn N, xã Hòa Tiến, TP Đà Nẵng về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 được lập tại Văn phòng Công chứng T vô hiệu. Do đó HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 13/03/2025, ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H và ông Lê N.D lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 giữa bên ủy quyền là ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H cho bên được ủy quyền là ông Lê N.D tại phòng công chứng T số xxx L- Đà Nẵng đối với chiếc xe ô tô BKS 92C-20x.xx. Sau khi hoàn tất hồ sơ uỷ quyền, ông Lê N.D đã chuyển số tiền 255.000.000 đồng vào tài khoản số 9857xxx tại ngân hàng ACB mang tên Trịnh Thị H.T- người do ông Trịnh Ngọc H.T chỉ định, ngoài ra tài khoản zalo “Bánh gạo” yêu cầu ông D chuyển số tiền còn lại vào một tài khoản lạ, không phải do ông Trịnh Ngọc H.T chỉ định. Vì nghi ngờ có dấu hiệu bất thường, ông D đã không thực hiện theo yêu cầu đó mà chỉ đồng ý thanh toán theo chỉ dẫn của ông Trịnh Ngọc H.T. Ngoài ra, vợ chồng ông T và ông D phát hiện quá trình trao đổi, thoả thuận mua bán xe ô tô BKS 92C 20x.xx, các bên đều không làm việc trực tiếp với nhau mà chỉ làm việc với bên thứ 3 qua nhắn tin zalo với tài khoản mang tên “Bánh Gạo”. Nghi ngờ bị người khác lừa đảo nên vợ chồng ông T và ông D đã trình báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành Phố Đà Nẵng. Sau khi điều tra, ngày 18 tháng 4 năm 2025 Công an thành phố Đà Nẵng đã bàn giao lại đầy đủ số tiền 255.000.000đ cho ông D. Do các bên không thoả thuận được việc cùng nhau đến văn phòng công chứng để huỷ hợp đồng uỷ quyền nên ông T, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 được lập tại Văn phòng Công chứng T vô hiệu. Ông T và bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Xét thấy, Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/3/2025 tại Văn phòng Công chứng T với nội dung bên được ủy quyền (ông Lê N.D) được quản lý, sử dụng xe ô tô BKS 92C-20x.xx, liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tất cả những vấn đề liên quan đến xe ô tô BKS 92C-20x.xx...được quyền bán, tặng cho, thế chấp, cho thuê...Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông

T, bà H và ông D đều thừa nhận trên thực tế là thoả thuận về việc mua bán xe ô tô BKS 92C-20x.xx. Sau khi hoàn tất hồ sơ ủy quyền, vợ chồng ông T và ông D phát hiện trong quá trình trao đổi, thoả thuận mua bán xe ô tô nói trên, các bên đều không làm việc trực tiếp với nhau mà chỉ làm việc với bên thứ 3 qua nhắn tin zalo với tài khoản mang tên “Bánh Gạo”. Những thông tin ông T, bà H tiếp nhận từ tài khoản “Bánh gạo” hoàn T khác với những thông tin mà tài khoản “Bánh Gạo” cung cấp cho ông D. Do vậy, có cơ sở để xác định Hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2025, có số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại Văn phòng Công chứng T không đúng với ý chí tự nguyện thực sự của các bên mà do bị lừa dối bởi bên thứ ba. Điều 127 của BLDS quy định: “Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.

Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó”.

Do đó, ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu HĐXX tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/3/2025 được lập tại Văn phòng Công chứng T giữa người ủy quyền ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H và người được ủy quyền ông Lê N.D vô hiệu là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Quá trình điều tra, ông Lê N.D đã nhận lại số tiền là 255.000.000 đồng, ông T và bà H chưa nhận được số tiền mua bán xe và xe ô tô KS 92C-20x.xx vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T bà H. Hậu quả của giao dịch đã tự khôi phục tình trạng ban đầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê N.D phải chịu án phí DSST. Tuy nhiên, nguyên đơn ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[4] Theo những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Căn cứ 116, 117, 122, 127, 407, 562 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu*” đối với bị đơn ông Lê N.D.

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/3/2025, số công chứng 0009xx, quyền số 01/2025/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng T giữa người ủy quyền là ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H và người được ủy quyền là ông Lê N.D vô hiệu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008677 ngày 28/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đà Nẵng). Ông Trịnh Ngọc H.T, bà Dương Thị H đã nộp xong án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV 4 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Mỹ Loan

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do thiếu sót trong bản án số 37/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng, TP Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Trịnh Ngọc H.T, sinh năm 1991 và bà Dương Thị H, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: xx L, phường An Hải, TP Đà Nẵng

- *Bị đơn*: Ông Lê N.D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Hòa Tiến, TP Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng ; địa chỉ: Số xxx L, phường , TP Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 37/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng, TP Đà Nẵng như sau:

Tại trang 7, phần Quyết định của bản án đã ghi:

“3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết”.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;

(đã ký)

- VKSND KV4-Đà Nẵng;

- Phòng THADS KV 4 – Đà Nẵng;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mỹ Loan

